TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1400/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-8-2022.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Thải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Công Hợp**.

2. Bà **Lê Thị Thanh Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Chiêm Tiền Quí Nhân** - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Bà **Hồ Thị Vân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1125/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị E**, sinh năm 1983;
Bị đơn: Ông **Hồ Minh P**, sinh năm 1976;
Cùng địa chỉ: quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Bùi Thị E có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Hồ Minh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Bùi Thị E, trình bày: Bà và ông Hồ Minh P chung sống năm 2004, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78, ngày 20/10/2004 do UBND xã T, huyện G, tỉnh B. Trong quá trình chung sống, do có nhiều bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên mâu thuẫn phát sinh trầm trọng không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà có yêu cầu được ly hôn với ông P.

Trong quá trình chung sống, bà và ông P có 02 con chung là Hồ Ngọc L, sinh ngày 29/4/2006 và Hồ Minh T, sinh ngày 25/12/2010. Bà có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ L và trẻ T. Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà E khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà E khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hồ Minh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà E. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông P có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà E nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn: Bà Bùi Thị E có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông Hồ Minh P đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà E nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định, tuy nhiên về thời hạn xét xử có chậm hơn so với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Bà Bùi Thị E và ông Hồ Minh P chung sống năm 2004, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78, ngày 20/10/2004 do UBND xã T, huyện G, tỉnh B cấp. Trong quá trình chung sống, đôi bên phát sinh mâu thuẫn nên bà E có yêu cầu ly hôn với ông P. Qua xem xét các tài liệu chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà E được ly hôn với ông P, giao cho bà E được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hồ Ngọc L, sinh ngày 29/4/2006 và Hồ Minh T, sinh ngày 25/12/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của bà E không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị E có đơn yêu cầu ly hôn với ông Hồ Minh P, bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Tân. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung: Bà Bùi Thị E và ông Hồ Minh P tự nguyện chung sống với nhau năm 2004 và có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 20/10/2004 do UBND xã T, huyện G, tỉnh B cấp, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do có mâu thuẫn nên bà E có đơn yêu cầu ly hôn với ông P.

[2.1]. Qua yêu cầu của bà Bùi Thị E, Hội đồng xét xử xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại thì bà E đã không còn tha thiết chung sống với ông P nữa.

Ngày 19/4/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Tân có văn bản tham khảo ý kiến về tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông P và bà E tại UBND phường A, quận Bình Tân, có kết quả trả lời: *"...Qua rà soát đơn hòa giải, Ủy ban nhân dân phường A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận đơn yêu cầu hòa giải giữa bà Bùi Thị E và ông Hồ Minh P tại Ủy ban nhân dân phường nên không có cơ sở trả lời theo yêu cầu của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh"*. Đồng thời cũng đã xác minh thông tin cư trú của ông P tại Công an phường A, quận Bình Tân, được biết ông P thực tế cư ngụ tạm trú tại phường A, quận Bình Tân.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà E vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông P, còn ông P vắng mặt không có lý do. Từ đó cho thấy, đôi bên không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng của bà E và ông P đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa mà có thể tác động xấu đến sự phát triển của các con chung.

Từ những nhận định trên, nên yêu cầu ly hôn của bà E đối với ông P là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bà E với ông P có 02 con chung là Hồ Ngọc L, sinh ngày 29/4/2006 và Hồ Minh T, sinh ngày 25/12/2010. Hiện nay, các con chung còn nhỏ và đang được bà E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà E có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, các trẻ L và trẻ T còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của mẹ và đang được bà E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống hiện tại của các con chung, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và để đảm bảo việc phát triển tốt về mọi mặt của trẻ nên giao cho bà E trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cần thiết và cũng đúng với nguyện vọng của các trẻ.

Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của bà E là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà E không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà E khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà E khai nhận đôi bên không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà E được ly hôn với ông P, giao cho bà E được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hồ Ngọc L, sinh ngày 29/4/2006 và Hồ Minh T, sinh ngày 25/12/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của bà E không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà E phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị E.

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Bùi Thị E được ly hôn với ông Hồ Minh P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78, ngày 20/10/2004 do UBND xã T, huyện G, tỉnh B cấp không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Bùi Thị E được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hồ Ngọc L, sinh ngày 29/4/2006 và Hồ Minh T, sinh ngày 25/12/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của bà E không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức gồm: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị E khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

1.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Bùi Thị E khai nhận đôi bên không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị E phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0033118 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà E đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CC THADS quận Bình Tân;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; VP (Nhân).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)
Nguyễn Thành Thải